

Bản án số: 11/2017/DS-ST  
Ngày: 12/6/2017  
*V/v tranh chấp hụi.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU**

*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lư Trường Lâm*

*Các Hội thẩm nhân dân:*

**Bà Nguyễn Hồng Lành**

**Ông Trần Thanh Tuấn**

*Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Trường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.*

Ngày 12 tháng 6 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2017/TLST – DS ngày 28 tháng 02 năm 2017 về việc: “*tranh chấp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2017/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 4 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 34/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2017, giữa:

- *Nguyên đơn: bà Võ Hồng H* – sinh năm 1948

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn: Chị Trần Thị V* – sinh năm 1970

(Tên gọi khác: **Trần Hồng V**)

Anh **Trần Văn N** – sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Chị V đang chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bạc Liêu.

Bà H có mặt. Chị V có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; anh N vắng mặt lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2017 và các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Hồng H trình bày:**

Bà H có làm chủ 02 dây hụi, anh N và chị V có tham gia chơi hụi, cụ thể như sau:

**Dây thứ nhất:** mở hội lần đầu ngày 25/7/2009 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, một vụ lúa khui hội một lần, một năm khui hội 03 lần, có 20 phần hội. Chị V, anh N tham gia 02 phần hội:

+ *Phần hội thứ nhất:* chị V, anh N hót hội tại lần mở hội đầu tiên ngày 25/7/2009 âm lịch, bỏ 1.060.000đ, hót được 15.920.000đ (đã trừ tiền còn là 1.000.000đ), tôi đã chung đủ tiền hội cho chị V, anh N. Chị V, anh N đã đóng hội chết được 13 lần = 26.000.000đ, từ lần thứ 15 ngày 05/3/2014 âm lịch đến mãn hội thì không có đóng nên bà H phải đóng thay là 06 lần = 12.000.000đ. Dây hội này đã mãn hội vào ngày 03/12/2015 âm lịch. Bà H yêu cầu trả 12.000.000đ.

+ *Phần hội thứ hai:* chị V, anh N đóng hội sống 05 lần; đến lần mở hội thứ 06 ngày 10/3/2011 âm lịch, chị V, anh N bỏ hội 1.020.000đ, hót được 20.720.000đ (đã trừ tiền còn là 1.000.000đ), bà H đã chung đủ tiền hội cho chị V, anh N. Chị V, anh N đã đóng hội chết được 07 lần = 14.000.000đ, từ lần thứ 15 ngày 05/3/2014 âm lịch đến mãn hội thì không có đóng nên bà H phải đóng thay là 06 lần = 12.000.000đ. Dây hội này đã mãn hội vào ngày 03/12/2015 âm lịch. Bà H yêu cầu trả 12.000.000đ.

Tổng cộng, dây hội này bà H yêu cầu chị V, anh N trả cho tôi 24.000.000đ.

- **Dây thứ hai:** mở hội lần đầu ngày 15/3/2011 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, một vụ lúa khui hội một lần, một năm khui hội 03 lần, có 19 phần hội. Chị V, anh N tham gia 01 phần hội: đóng hội sống 01 lần là 1.000.000đ. Tại lần mở hội thứ 02, chị V, anh N bỏ hội 1.070.000đ và hót được 16.810.000đ, bà H đã giao đủ tiền hót hội. Sau đó, chị V, anh N đã đóng hội chết được 07 lần = 14.000.000đ, từ lần thứ 10 ngày 05/3/2014 âm lịch thì không có đóng nên bà H phải đóng thay đến mãn hội là 10 lần = 20.000.000đ. Bà H yêu cầu trả 10 lần hội chết = 20.000.000đ.

Tổng cộng, bà H yêu cầu chị V, anh N trả số tiền hội là 44.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Nhưng từ khi ngưng đóng hội chết thì anh N có đưa tiền cho bà H nhiều lần, cộng lại là 5.300.000đ. Tại phiên tòa, bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.300.000đ, chỉ yêu cầu chị V, anh N trả số tiền 38.700.000đ, không yêu cầu tính lãi từ ngày chị V, anh N vi phạm nghĩa vụ đến ngày Tòa án giải quyết nhưng yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án.

#### **Đồng bị đơn chị Trần Thị V trình bày:**

Chị V thừa nhận lời trình bày của bà H là đúng với diễn biến giao dịch hội giữa hai bên. Chị V thừa nhận sau khi chị V và anh N ngưng đóng hội thì bà H đã bỏ tiền ra đóng thay là 44.000.000đ. Chị V xác định tiền hót hội dùng để sử dụng chung trong gia đình chị và anh N. Tuy nhiên, trong thời gian chị V đi chấp hành án, anh N ở nhà đã trả tiền cho bà H nhiều lần với số tiền là 5.300.000đ. Chị V đồng ý trả cho bà Hoa số tiền 38.700.000đ.

Đồng bị đơn anh Trần Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, do đó không ghi nhận được ý kiến của anh N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long trình bày quan điểm:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự: từ khi tham gia tố tụng đến

nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với đồng bị đơn anh Trần Văn N vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: bà H yêu cầu chị V, anh N trả số tiền hụi 44.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ngày 10/4/2017 và tại phiên tòa hôm nay, bà H rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.300.000đ; căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu của bà H đối với số tiền 5.300.000đ.

Chị V thừa nhận có nợ bà H số tiền hụi 44.000.000đ, sau đó anh N đã trả được 5.300.000đ, bà H cũng thừa nhận anh N đã trả được 5.300.000đ. Như vậy, số tiền chị V, anh N còn nợ bà H là 38.700.000đ. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh N không có lời khai, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H. Chị V, bà H đều xác định anh N đã trả cho bà H số tiền 5.300.000đ; do đó, có cơ sở xác định đây là nợ chung của chị V, anh N. Bà H yêu cầu chị V, anh N trả nợ là có cơ sở chấp nhận. Bà H xác định đây là tiền riêng của bà H nên chỉ buộc chị V, anh N trả cho bà H số tiền 38.700.000đ.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bà H yêu cầu giải quyết tranh chấp hụi, đồng bị đơn chị V, anh N có địa chỉ thường trú tại huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phước Long theo quy định tại Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng anh N vắng mặt tại phiên tòa hai lần, chị V có đơn xin xét xử vắng mặt; do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N, chị V là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tại phiên tòa, bà H xác định có làm chủ dây hụi mở lần đầu ngày 25/7/2009 âm lịch (nhằm ngày 13/9/2009 dương lịch), loại hụi 2.000.000đ, một mùa lúa khui hụi một lần, có 20 phần hụi. Chị V, anh N tham gia 02 phần hụi và đã đóng hụi chết đến lần mở hụi thứ 14, từ lần thứ 15 đến khi mãn hụi thì không có đóng hụi nữa. Bà H yêu cầu chị V, anh N trả 2.000.000đ/01 phần x 02 phần x 06 kỳ = 24.000.000đ.

[4] Tại dây hụi do bà H làm chủ, mở lần đầu ngày 15/3/2011 âm lịch (nhằm ngày 17/4/2011 dương lịch), loại hụi 2.000.000đ, một mùa lúa khui hụi một lần, có 19 phần hụi. Chị V, anh N tham gia 01 phần hụi và đã đóng hụi chết đến lần mở hụi thứ 09, từ lần thứ 10 đến khi mãn hụi thì không có đóng hụi nữa. Bà H yêu cầu chị V, anh N trả 2.000.000đ/01 phần x 10 kỳ = 20.000.000đ.

[5] Tổng số tiền là 44.000.000đ nhưng trong thời gian chị V đi chấp hành án thì anh N ở nhà có trả cho bà nhiều lần với số tiền 5.300.000đ, bà H đồng ý đối trừ nên chỉ yêu cầu chị V, anh N trả 38.700.000đ và không yêu cầu trả lãi từ ngày

vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử. Việc bà H rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 5.300.000đ là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết.

[6] Chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng lời khai của chị V (bút lục 31-32) thừa nhận số tiền hụi chết mà bà H đã bỏ ra để đóng thay là 44.000.000đ và anh N đã trả cho bà H được 5.300.000đ. Chị V đồng ý trả cho bà H số tiền 44.000.000đ nhưng khấu trừ số tiền anh N đã thanh toán 5.300.000đ, còn lại là 38.700.000đ.

[7] Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N cố tình vắng mặt. Tuy nhiên căn cứ vào lời khai của chị V xác định sử dụng số tiền hụi cho sinh hoạt chung trong gia đình. Mặt khác, bà H và chị V thừa nhận khi chị V đi chấp hành án, anh N ở nhà đã thanh toán cho bà H được một phần hụi. Do đó, có cơ sở xác định đây là phần nợ chung của chị V, anh N nên anh N, chị V cùng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

[8] Khi khởi kiện cũng như tại phiên tòa, bà H không yêu cầu tính lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử; xét thấy đây là quyền quyết định và tự định đoạt của các đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[9] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc chị V, anh N trả cho H số tiền 38.700.000đ.

[10] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[11] *Về án phí:* chị V, anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch 5% trên trị giá số tiền phải trả cho bà H là: 38.700.000đ x 5% = 1.935.000đ.

Bà H không phải chịu án phí, đã dự nộp 1.100.000đ tại lai thu số 0002981 ngày 28/02/2017 sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 228, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 357, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27 tháng 11 năm 2006 của chính phủ về họ, hụi, biếu, phường;

#### Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Hồng H. Buộc chị Trần Thị V và anh Trần Văn N có nghĩa vụ trả cho bà Võ Hồng H số tiền 38.700.000đ (Ba mươi tám triệu bảy trăm ngàn đồng).

2/ Đình chỉ giải quyết do bà Võ Hồng H rút yêu cầu đối với số tiền 5.300.000đ.

3/ Về án phí: buộc chị V, anh N phải nộp án phí dân sự có giá ngạch là 1.935.000đ.

Bà H không phải chịu án phí, đã dự nộp 1.100.000đ tại lai thu số 0002981 ngày 28/02/2017 sẽ được hoàn nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015”.*

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.*

4/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Lư Trường Lâm**